**BẢNG SO SÁNH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VÀ NGHỊ ĐỊNH 31/2016/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH 90/2017/NĐ-CP**

| **Nghị định 31/2016/NĐ-CP; Nghị định 90/2017/NĐ-CP** | **Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung** | **Lý do sửa đổi, bố sung** |
| --- | --- | --- |
| **Nghị định 31/2016/NĐ-CP** |  |  |
| **Điều 2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính**  Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính liên quan đến giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên lãnh thổ Việt Nam. | Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “**Điều 2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính**  1. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính liên quan đến giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật trên lãnh thổ Việt Nam.  2. Tổ chức quy định tại khoản 1 bao gồm: các tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.  3. Hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể vi phạm các quy định của Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.” | Để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 |
| **Điều 9. Vi phạm quy định về khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng (khảo nghiệm VCU); khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (khảo nghiệm DUS**  1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi khảo nghiệm nhưng không duy trì đầy đủ Điều kiện khảo nghiệm như tại thời Điểm được cơ quan có thẩm quyền chỉ định.  2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi khảo nghiệm nhưng không thực hiện đúng quy định khảo nghiệm hiện hành.  3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi công bố sai sự thật kết quả khảo nghiệm.  4. Hình thức xử phạt bổ sung  Tước quyền sử dụng Quyết định chỉ định khảo nghiệm từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.  5. Biện pháp khắc phục hậu quả  Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này. | - Khoản 5 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “5. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.  *b)* *Hủy bỏ kết quả khảo nghiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.”* | - Bổ sung mới để đảm bảo chất lượng giống cây trồng và tính nghiêm minh trong việc thực hiện quy định của pháp luật |
| **Điều 15. Vi phạm quy định về sản xuất giống cây trồng**  4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất nhằm Mục đích thương mại giống cây trồng không có tên trong Danh Mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc chưa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng mới.  5. Biện pháp khắc phục hậu quả  a) Buộc chuyển đổi Mục đích sử dụng hoặc buộc tiêu hủy giống cây trồng đối với hành vi vi phạm quy định tại *Khoản 1, 2 và 3* Điều này;  b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này;  *c)* *Buộc tiêu hủy giống cây trồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.* | - Khoản 4 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:  **“**4. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm sản xuất nhằm mục đích thương mại giống cây trồng không có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc chưa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng mới theo mức phạt sau đây:  a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa có trị giá dưới 20.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 10.000.000 đồng.  b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa có trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng.  c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.  d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa có trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.  đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa có trị giá từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong những hành vi này mà còn vi phạm khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án.”  - Bổ sung khoản 4a, khoản 4b, khoản 4c Điều 15 như sau:  “4a. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất giống cây trồng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại về tài sản dưới 50.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng.  4b. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất giống cây trồng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.  4c. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất giống cây trồng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 30.000.000 đồng trở lên hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng trở lên hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong những hành vi này mà còn vi phạm khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án.”  - Khoản 5 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “5. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc buộc tiêu hủy giống cây trồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này;  b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, *khoản 4a, khoản 4b và khoản 4c* Điều này.” | - Chia nhỏ hành vi theo mức phạt để phù hợp với thực tiễn đồng thời bổ sung căn cứ xác định hành vi theo trị giá hàng hóa hoặc thu lợi bất chính để phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 190 BLHS về tội sản xuất, buôn bán hàng cấm  - Bổ sung hành vi vi phạm *sản xuất giống cây trồng giả* để phù hợp với khoản 1 Điều 195 BLHS về tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc BVTV, giống cây trồng, giống vật nuôi.  - Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả đổi với các khoản 4a, 4b, 4c. Đồng thời gộp điểm a và điểm c để phù hợp với thực tiễn |
| **Điều 16. Vi phạm quy định về kinh doanh giống cây trồng**  1. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng khi kinh doanh lô giống cây trồng có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Kinh doanh giống cây trồng hết hạn sử dụng;  b) Kinh doanh giống cây trồng không có tên trong Danh Mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc giống chưa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là giống cây trồng nông, lâm nghiệp mới.  2. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này theo mức phạt sau đây:  a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến dưới 14.000.000 đồng khi kinh doanh lô giống cây trồng có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;  b) Phạt tiền từ 14.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng khi kinh doanh lô giống cây trồng có giá trị từ 30.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;  c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng khi kinh doanh lô giống cây trồng có giá trị từ 40.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;  d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng khi kinh doanh lô giống cây trồng có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;  đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng khi kinh doanh lô giống cây trồng có giá trị trên 70.000.000 đồng.    3. Biện pháp khắc phục hậu quả  Buộc chuyển đổi Mục đích sử dụng hoặc buộc tiêu hủy giống cây trồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này. | “**Điều 16. Vi phạm quy định về buôn bán giống cây trồng**  1. Phạt tiền đối với hành vi buôn bán giống cây trồng hết hạn sử dụng theo mức phạt sau đây:  *a) Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng khi buôn bán lô giống cây trồng hết hạn sử dụng có giá trị dưới 10.000.000 đồng;*  b) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi buôn bán lô giống cây trồng hết hạn sử dụng có giá trị dưới 20.000.000 đồng;  c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng khi buôn bán lô giống cây trồng hết hạn sử dụng có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;  d) Phạt tiền từ 14.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng khi buôn bán lô giống cây trồng hết hạn sử dụng có giá trị từ 30.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng;  đ) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng khi buôn bán lô giống cây trồng hết hạn sử dụng có giá trị từ 40.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;  e) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng khi buôn bán lô giống cây trồng hết hạn sử dụng có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;  g) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng khi buôn bán lô giống cây trồng hết hạn sử dụng có giá trị trên 70.000.000 đồng.  2.Phạt tiền đối với hành vi vi phạm buôn bán giống cây trồng không có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc chưa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng mới theo mức phạt sau đây:  a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa có trị giá dưới 50.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 20.000.000 đồng.  b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.  c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa có trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.  d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng trong trường hợp hàng hóa có trị giá từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong những hành vi này mà còn vi phạm khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án.”.  3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm buôn bán giống cây trồng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá dưới 20.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại về tài sản dưới 50.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng.  4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm buôn bán giống cây trồng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.  5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm buôn bán giống cây trồng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 30.000.000 đồng trở lên hoặc gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng trở lên hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong những hành vi này mà còn vi phạm khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án.”  6. Biện pháp khắc phục hậu quả  a) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc buộc tiêu hủy giống cây trồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.  b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại *khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5* Điều này.” | - Bổ sung mức phạt từ 4-6triệu đối với hành vi buôn bán giống cây trồng hết hạn sử dụng có giá trị dưới 10 triệu, mức phạt còn lại giữ nguyên, chỉ thay đổi bố cục so với Nghị định 31  - Hành vi buôn bán giống cây trồng không có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc chưa được Bộ Nông nghiệp &PTNT công nhận giống cây trồng mới: Bổ sung căn cứ xác định hành vi theo trị giá hàng hóa hoặc thu lợi bất chính để phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 190 BLHS về tội sản xuất, buôn bán hàng cấm  - Bổ sung hành vi *vi phạm buôn bán giống cây trồng giả* để phù hợp với khoản 1 Điều 195 BLHS về tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc BVTV, giống cây trồng, giống vật nuôi.  - Sửa đổi biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vừa được bổ sung và bổ sung biện pháp *buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được* do thực hiện VPHC đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này. |
| **Điều 19. Vi phạm quy định về phòng, chống sinh vật gây hại thực vật**  2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Cố ý áp dụng không đúng biện pháp chống dịch theo yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có quyết định công bố dịch hại thực vật;  ~~b) Hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật không có văn bản đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã.~~  4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Vận chuyển, sử dụng giống cây hoặc vật liệu làm giống bị nhiễm sinh vật gây hại từ vùng công bố dịch sang vùng khác;  b) Nhập khẩu, vận chuyển, nhân nuôi, lưu giữ sinh vật gây hại thực vật mà không được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép bằng văn bản;  c) Phát tán sinh vật gây hại thực vật.  5. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, b Khoản 4 Điều này vì Mục đích thương mại.  6. Biện pháp khắc phục hậu quả  c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 5 Điều này. | - Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 19.  - Bổ sung điểm d khoản 4 Điều 19 như sau:  “4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  *d) Đưa vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm sinh vật gây hại từ vùng công bố dịch sang vùng khác làm lây lan dịch hại gây thiệt hại về tài sản dưới 100.000.000 đồng.”*  - Bổ sung khoản 5a Điều 19 như sau:  *“5a. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối hành vi đưa vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm sinh vật gây hại từ vùng công bố dịch sang vùng khác làm lây lan dịch hại gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu có dấu hiệu vi phạm hành chính.”*  - Điểm c khoản 6 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “6. Biện pháp khắc phục hậu quả  c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Khoản 5, *Khoản 5a* Điều này.” | - Bãi bỏ xử phạt hành vi này vì hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật được quy định tại Thông tư 48/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2015 hướng dẫn chi tiết điều kiện hoạt động dịch vụ BVTV đã bị bãi bỏ bởi Nghị định 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số ND quy định về đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp  - Bổ sung hành vi này để phù hợp với khoản 1 Điều 241 Bộ Luật Hình sự  - Bổ sung hành vi này để phù hợp với khoản 1 Điều 241 Bộ Luật Hình sự  - Sửa đổi biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vừa được bổ sung |
| **Điều 20. Vi phạm quy định về kiểm dịch thực vật xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh**  2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không làm thủ tục kiểm dịch tại cửa khẩu;  *b) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu, trừ trường hợp được cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận;*  c) Không có Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu theo quy định, trừ trường hợp được cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận.  4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Khai man, giấu diếm, tẩu tán vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trong quá trình cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật tiến hành kiểm dịch cho những lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu;  b) Đưa thêm vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật chưa được kiểm dịch vào lô hàng đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật;  c) Tự ý tháo dỡ niêm phong, xếp dỡ, chuyển tải, sang mạn, sang toa, cắt toa vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên phương tiện vận chuyển đang chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật.  5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không thực hiện biện pháp xử lý theo quy định trong Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu;  b) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát hoặc sinh vật gây hại lạ còn sống mà không được phép của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;  c) Đưa đất vào Việt Nam trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;  d) Không thực hiện tái xuất vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ đúng thời hạn theo quyết định của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật;  đ) Vận chuyển vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật chưa được xử lý triệt để theo chỉ định của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật.    6. Biện pháp khắc phục hậu quả  a) Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;  b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khi có quyết định của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b, c Khoản 2, Điểm c Khoản 5 Điều này; trường hợp tái phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này;  Quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật vẫn chưa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thì người có thẩm quyền quy định tại Khoản 4 Điều 33 Nghị định này ra quyết định tiêu hủy, trừ trường hợp có lý do chính đáng.  đ) Buộc xử lý triệt để vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 5 Điều này. | - Khoản 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  a) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không làm thủ tục kiểm dịch tại cửa khẩu;  b) Không có Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu theo quy định, trừ trường hợp được cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận.”  - Bổ sung điểm d, điểm đ khoản 4 Điều 20 như sau:  “4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  *d) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu, trừ trường hợp được cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận;*  *đ) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm dịch làm lây lan dịch hại gây thiệt hại về tài sản dưới 100.000.000 đồng.”*  - Bổ sung điểm e khoản 5 Điều 20 như sau:  “5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  e) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm dịch làm lây lan dịch hại gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án.”  - Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b, điểm đ khoản 6 Điều 20 như sau:  “6. Biện pháp khắc phục hậu quả  a) Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b Khoản 1, *điểm d Khoản 5* Điều này;  b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khi có quyết định của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại *điểm d Khoản 4 trong trường hợp vi phạm từ lần thứ ba trở lên (không tính số lần vi phạm đối với hành vi vi phạm đã hết hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012)*, điểm b Khoản 2, điểm c Khoản 5 Điều này; trường hợp tái phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a Khoản 5 Điều này. Quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật vẫn chưa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thì người có thẩm quyền quy định tại Khoản 4 Điều 33 Nghị định này ra quyết định tiêu hủy, trừ trường hợp có lý do chính đáng;  đ) Buộc xử lý triệt để vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại *điểm đ khoản 4* và điểm đ, *điểm e* khoản 5 Điều này.” | - Tăng mức phạt đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 2 ND31: *Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu, trừ trường hợp được cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận* (chuyển xuống Khoản 4 Điều này)  - Hành vi này được chuyển từ điểm b khoản 2 xuống (do tăng mức phạt)  - Bổ sung hành vi này để phù hợp với khoản 1 Điều 241 Bộ Luật Hình sự  - Bổ sung hành vi này để phù hợp với khoản 1 Điều 241 Bộ Luật Hình sự  - Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả đổi với hành vi *Không thực hiện tái xuất vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ đúng thời hạn theo quyết định của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật*  - Sửa đổi biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này thành *“trong trường hợp vi phạm từ lần thứ ba trở lên”*  - Sửa đổi biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vừa được bổ sung |
| **Điều 24. Vi phạm quy định về sản xuất thuốc bảo vệ thực vật**    4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam trừ trường hợp có Giấy phép nhập khẩu quy định tại Khoản 2 Điều 67 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.  5. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm sản xuất thuốc bảo vệ thực vật trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng dưới 50 kilôgam (hoặc 50 lít) thuốc thành phẩm.  6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm sản xuất thuốc bảo vệ thực vật trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 50 kilôgam (hoặc 50 lít) đến 100 kilôgam (hoặc 100 lít) thuốc thành phẩm.    7. Đối với hành vi sản xuất thuốc bảo vệ thực vật trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng trên 100 kilôgam (hoặc 100 lít) thuốc thành phẩm thì người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm sang cơ quan tiến hành tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 62 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự thì phạt tiền 50.000.000 đồng.  8. Hình thức xử phạt bổ sung  c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5, 6 Điều này. | - Khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và điểm c khoản 8 Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:  4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam *có trị giá dưới 200.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 100.000.000 đồng* trừ trường hợp có Giấy phép nhập khẩu quy định tại Khoản 2 Điều 67 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.  5. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm sản xuất thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng dưới *30 kilôgam (hoặc 30 lít)* thuốc thành phẩm.  6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sản xuất thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ *30 kilôgam (hoặc 30 lít) đến dưới 50 kilôgam (hoặc 50 lít) thuốc thành phẩm.*  *7. Phạt tiền từ 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:*  *a) Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 50 kilôgam (hoặc 50 lít) thuốc thành phẩm trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án;*  *b) Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, trừ trường hợp có Giấy phép nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều 67 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án.*  8. Hình thức xử phạt bổ sung  c) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6 *và khoản 7* Điều này.” | - Bổ sung căn cứ xác định hành vi theo trị giá hàng hóa hoặc thu lợi bất chính để phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 190 BLHS về tội sản xuất, buôn bán hàng cấm  - Sửa đổi căn cứ xác định hành vi theo khối lượng để phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 190 BLHS về tội sản xuất, buôn bán hàng cấm  - Sửa đổi để phù hợp với điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 190 Bộ Luật Hình sự  - Sửa đổi hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi vừa được bổ sung |
| **Điều 25. Vi phạm quy định về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:  a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật chung với các loại hàng hóa khác như: Lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y;  b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng*;* *thuốc không có tên trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam khối lượng dưới 5 kilôgam (hoặc 5 lít) thuốc thành phẩm;*  c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật khi Giấy chứng nhận đủ Điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đã hết hạn;  d) Không duy trì đầy đủ các Điều kiện về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Điều 63 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong quá trình hoạt động kinh doanh.  2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:  a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; *thuốc không có tên trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 5 kilôgam (hoặc 5 lít) đến dưới 20 kilôgam (hoặc 20 lít) thuốc thành phẩm;*  b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng đến dưới 3 kilôgam (hoặc 3 lít) thuốc thành phẩm;  c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có Giấy chứng nhận đủ Điều kiện buôn bán thuốc.  3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:  a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không bảo đảm chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; *thuốc không có tên trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 20 kilôgam (hoặc 20 lít) đến dưới 100 kilôgam (hoặc 100 lít) thuốc thành phẩm;*  b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 3 kilôgam (hoặc 3 lít) đến dưới 5 kilôgam (hoặc 5 lít) thuốc thành phẩm;  c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật dưới dạng ống tiêm thủy tinh;  d) Bán thuốc bảo vệ thực vật dùng để xông hơi khử trùng cho người không có thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật hoặc tổ chức không có Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;  đ) Hướng dẫn sử dụng cho người mua thuốc bảo vệ thực vật không đúng nội dung trên nhãn thuốc;  e) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời gian đang bị đình chỉ hoạt động buôn bán, tước quyền sử dụng hoặc thu hồi giấy chứng nhận đủ Điều kiện buôn bán thuốc.  4. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:    a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; *thuốc không có tên trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 100 kilôgam (hoặc 100 lít) đến dưới 300 kilôgam (hoặc 300 lít) thuốc thành phẩm;*  b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 5 kilôgam (hoặc 5 lít) đến dưới 10 kilôgam (hoặc 10 lít) thuốc thành phẩm.  5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:    a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; *thuốc không có tên trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 300 kilôgam (hoặc 300 lít) đến dưới 500 kilôgam (hoặc 500 lít) thuốc thành phẩm;*  b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 10 kilôgam (hoặc 10 lít) đến dưới 20 kilôgam (hoặc 20 lít) thuốc thành phẩm.    6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:    a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; *thuốc không có tên trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 500 kilôgam (hoặc 500 lít) đến dưới 1.000 kilôgam (hoặc 1.000 lít) thuốc thành phẩm;*  b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 20 kilôgam (hoặc 20 lít) đến dưới 30 kilôgam (hoặc 30 lít) thuốc thành phẩm.  7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:    a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; *thuốc không có tên trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 1.000 kilôgam (hoặc 1.000 lít) thuốc thành phẩm trở lên;*  b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 30 kilôgam (hoặc 30 lít) đến dưới 50 kilôgam (hoặc 50 lít) thuốc thành phẩm.  8. Đối với hành vi buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng trên 50 kilôgam (hoặc 50 lít) thuốc thành phẩm thì người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm sang cơ quan tiến hành tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 62 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự thì phạt tiền đến 50.000.000 đồng.  9. Hình thức xử phạt bổ sung  Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ Điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, thuốc cấm sử dụng tại Việt Nam quy định tại Khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này.  10. Biện pháp khắc phục hậu quả  a) Buộc thu hồi, trả lại nhà sản xuất hoặc nhà phân phối để tiêu hủy hoặc tái chế thuốc còn có khả năng tái chế đối với thuốc hết hạn sử dụng, thuốc không đảm bảo chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng quy định tại Điểm b Khoản 1, Điểm a Khoản 2, Điểm a Khoản 3, Điểm a Khoản 4, Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 và Điểm a Khoản 7 Điều này;  b) Buộc tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam, thuốc không có tên trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, thuốc dưới dạng ống tiêm thủy tinh đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 3; Điểm *a*, b Khoản 2; Điểm *a*, b Khoản 3; Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 và Khoản 8 Điều này. | **“Điều 25. Vi phạm quy định về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**  1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:  a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật chung với các loại hàng hóa khác như: Lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y;  b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng *có trị giá dưới 5.000.000 đồng*;  c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đã hết hạn;  d) Không duy trì đầy đủ các điều kiện về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Điều 63 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong quá trình hoạt động kinh doanh.  2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:  a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng *có trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng;*  b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng đến dưới 3 kilôgam (hoặc 3 lít) thuốc thành phẩm;  c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc.  *d) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá dưới 5.000.000 đồng;*  3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến *10.000.000* đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:  a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng *có trị giá từ 15.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;*  b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 3 kilôgam (hoặc 3 lít) đến dưới 5 kilôgam (hoặc 5 lít) thuốc thành phẩm;  c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật dưới dạng ống tiêm thủy tinh;  d) Bán thuốc bảo vệ thực vật dùng để xông hơi khử trùng cho người không có thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật hoặc tổ chức không có Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;  đ) Hướng dẫn sử dụng cho người mua thuốc bảo vệ thực vật không đúng nội dung trên nhãn thuốc;  e) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời gian đang bị đình chỉ hoạt động buôn bán, tước quyền sử dụng hoặc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc.  g*) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng;*  4. Phạt tiền từ *10.000.000 đồng đến 20.000.000* đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:  a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng *có trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;*  b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 5 kilôgam (hoặc 5 lít) đến dưới 10 kilôgam (hoặc 10 lít) thuốc thành phẩm.  *c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 15.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;*  5. Phạt tiền từ *20.000.000 đồng đến 30.000.000* đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:  a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng *có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;*  b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 10 kilôgam (hoặc 10 lít) đến dưới 20 kilôgam (hoặc 20 lít) thuốc thành phẩm.  *c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh Mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;*  6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:  a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng *có trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;*  b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 20 kilôgam (hoặc 20 lít) đến dưới 30 kilôgam (hoặc 30 lít) thuốc thành phẩm.  *c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;*  7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:  a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng *có có trị giá từ 200.000.000 đồng trở lên*;  b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 30 kilôgam (hoặc 30 lít) đến dưới 50 kilôgam (hoặc 50 lít) thuốc thành phẩm.  *c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;*  8. Phạt tiền từ *45.000.000 đồng đến 50.000.000* đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:  *a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 50 kilôgam (hoặc 50 lít) thuốc thành phẩm trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án;*  *b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, trừ trường hợp có Giấy phép nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều 67 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án.*  9. Hình thức xử phạt bổ sung  Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, thuốc cấm sử dụng tại Việt Nam quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 và *Khoản 8* Điều này.  10. Biện pháp khác phục hậu quả  a) Buộc thu hồi, trả lại nhà sản xuất hoặc nhà phân phối để tiêu hủy hoặc tái chế thuốc còn có khả năng tái chế đối với thuốc hết hạn sử dụng, thuốc không đảm bảo chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng quy định tại Điểm b Khoản 1, Điểm a Khoản 2, Điểm a Khoản 3, Điểm a Khoản 4, Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 và Điểm a Khoản 7 Điều này;  b) Buộc tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam, thuốc không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, thuốc dưới dạng ống tiêm thủy tinh đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b, *d* Khoản 2; Điểm b, c, *g* Khoản 3; điểm *b, c* Khoản 4, điểm *b, c* Khoản 5, điểm *b,c* Khoản 6, điểm *b, c* Khoản 7 và Khoản 8 Điều này.” | - Tăng mức phạt đối với hành vi *Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam* và điều chỉnh, bổ sung căn cứ xác định hành vi theo trị giá để phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 190 BLHS về tội sản xuất, buôn bán hàng cấm  - Tăng mức phạt đối với hành vi này và bổ sung căn cứ xác định hành vi theo trị giá để phù hợp với thực tiễn  - Tăng mức phạt đối với hành vi này và bổ sung căn cứ xác định hành vi theo trị giá để phù hợp với thực tiễn  - Tăng mức phạt đối với hành vi này và bổ sung căn cứ xác định hành vi theo trị giá để phù hợp với thực tiễn  - Bổ sung căn cứ xác định hành vi theo trị giá để phù hợp với thực tiễn  - Thay đổi mức phạt và bổ sung hành vi *Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam* để phù hợp với điểm a, điểm đ khoản 1 Điều 190 BLHS về tội sản xuất, buôn bán hàng cấm  - Sửa đổi để bổ sung hình thức xử phạt bổ sung tại khoản 8  - Sửa đổi biện pháp khắc phục hậu quả với các hành vi được bổ sung |
| **Điều 32. Thẩm quyền xử phạt của thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giống cây trồng**  2. Chánh thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục trưởng: Chi cục Kiểm Lâm hoặc Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Thủy sản, Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành: Cục Trồng trọt, Chi cục Kiểm lâm hoặc Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Thủy sản, Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật được giao nhiệm vụ quản lý giống cây trồng có quyền: | - Khoản 2 Điều 32 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “2. Chánh thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục trưởng: Chi cục Kiểm Lâm hoặc Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Thủy sản, Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, *Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản;* Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành: Cục Trồng trọt, Chi cục Kiểm lâm hoặc Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Thủy sản, Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, *Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản* được giao nhiệm vụ quản lí giống cây trồng có quyền:” | Bổ sung thẩm quyền xử phạt của *Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản* để phù hợp với địa phương |
| **Điều 36. Thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường**  3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng chống buôn lậu, Trưởng phòng chống hàng giả, Trưởng phòng kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường có quyền:  …  4. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có quyền:  … | - Tiêu đề khoản 3 Điều 36 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “3. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục nghiệp vụ quản lý thị trường trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:  - Tiêu đề khoản 4 Điều 36 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “4. Tổng Cục trưởng Tổng Cục Quản lý thị trường có quyền:” | Sửa đổi, bổ sung các chức danh thuộc lực lượng quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt VPHC để phù hợp với các văn bản mới ban hành trong lĩnh vực quản lý thị trường |
| **Điều 39. Phân định thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân, Hải quan, Quản lý thị trường, Bộ đội biên phòng và Cảnh sát biển**  2. Những người có thẩm quyền của cơ quan Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 8, Điểm d, đ Khoản 2 Điều 12, Điều 17, Điều 20, Điều 22, Điều 28 và Điều 30 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 35 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.  4. Những người có thẩm quyền của lực lượng bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 17, Khoản 1 Điều 18, Khoản 4 Điều 19, Điều 20, Điều 27, Khoản 6 Điều 28 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 37 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.  5. Những người có thẩm quyền của lực lượng cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 17, Khoản 1 Điều 18, Khoản 4 Điều 19, Điều 20, Điều 27, Khoản 6 Điều 28 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 38 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. | - Sửa đổi khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 39 như sau:  2. Những người có thẩm quyền của cơ quan Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 8; Điểm d, đ, *e* Khoản 2 Điều 12; Điều 17; Điều 20; Điều 22; Điều 28 và Điều 30 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 35 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.  4. Những người có thẩm quyền của lực lượng bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 17; Khoản 1 Điều 18; Khoản 4, *Khoản 5,* Khoản 5a Điều 19; Điều 20; Điều 27; Khoản 6 Điều 28 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 37 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.  5. Những người có thẩm quyền của lực lượng cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 17; Khoản 1 Điều 18; Khoản 4, *Khoản 5,* Khoản 5a Điều 19; Điều 20; Điều 27; Khoản 6 Điều 28 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 38 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.” | Sửa đổi về dẫn chiếu thẩm quyền xử phạt VPHC đối với các hành vi tại các điều, khoản, điểm đã được sửa đổi, bổ sung |
| **Nghị định 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017** |  |  |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực thú y trên lãnh thổ Việt Nam.  2. Người có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính và các cá nhân, tổ chức khác có liên quan. | Bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 2 như sau:  “3. Tổ chức quy định tại khoản 1 bao gồm: các tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.  4. Hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể vi phạm các quy định của Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.” | Để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 |
| **Điều 6. Vi phạm quy định chung về chống dịch bệnh động vật**  5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển động vật mắc bệnh, sản phẩm hoặc chất thải của động vật mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm đang được công bố ra khỏi vùng có dịch khi không được phép của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền.  6. Biện pháp khắc phục hậu quả:  a) Buộc giết mổ động vật và xử lý nhiệt sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;  b) Buộc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật và chất thải của động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này. | - Bổ sung khoản 5a, khoản 5b Điều 6 như sau:  “5a. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng.  5b. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án”.  - Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 6 như sau:  “b) Buộc tiêu huỷ động vật, sản phẩm động vật và chất thải của động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, khoản 5, *khoản 5a và khoản 5b* Điều này”. | - Bổ sung hành vi vi phạm căn cứ theo giá trị mức gây thiệt hại về tài sản để phù hợp với khoản 1 Điều 241 BLHS về tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật  Sửa đổi biện pháp khắc phục hậu quả với các hành vi được bổ sung |
| **Điều 7. Vi phạm về phòng bệnh động vật trên cạn**  2. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Không tiêm phòng vắc xin phòng bệnh Dại cho động vật bắt buộc phải tiêm phòng;  b) Không đeo rọ mõm cho chó hoặc không xích giữ chó, không có người dắt khi đưa chó ra nơi công cộng. | - Sửa đổi, bổ sung mũ khoản 2 Điều 7 như sau:  “2. Phạt tiền từ *1.000.000* đồng đến *1.500.000* đồng đối với một trong các hành vi sau đây:” | Tăng mức phạt đối với hành vi: Không tiêm phòng vắc xin phòng bệnh Dại cho động vật bắt buộc phải tiêm phòng và Không đeo rọ mõm cho chó hoặc không xích giữ chó, không có người dắt khi đưa chó ra nơi công cộng để phù hợp thực tiễn và đảm bảo tính răn đe |
| **Điều 8. Vi phạm về chống dịch bệnh động vật trên cạn**  5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Vận chuyển, buôn bán động vật, sản phẩm của động vật bị nhiễm bệnh dịch đã được công bố trong vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm;  b) Mang đi tiêu thụ thân thịt, phụ phẩm, sản phẩm khác của động vật bị giết mổ bắt buộc chưa được xử lý bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;  c) Chăn nuôi hoặc xuất bán động vật mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khi cơ quan thú y có thẩm quyền đã yêu cầu phải giết mổ bắt buộc hoặc tiêu hủy;  d) Không tiêu hủy, giết mổ bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.  6. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đưa vào vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm trên lãnh thổ Việt Nam động vật mẫn cảm với dịch bệnh đang xảy ra ở nước có chung đường biên giới và sản phẩm của chúng.  7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi đưa vào vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm trên lãnh thổ Việt Nam động vật mắc bệnh với bệnh dịch đang xảy ra ở nước có chung đường biên giới và sản phẩm của chúng. | - Bổ sung khoản 5a, khoản 5b Điều 8 như sau:  “5a. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng.  5b. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án.”.    - Bổ sung khoản 6a, khoản 6b Điều 8 như sau:  “6a. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng  6b. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án”.  - Bổ sung khoản 7a, khoản 7b Điều 8 như sau:  “7a. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng.  7b. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án.”. | Bổ sung các hành vi vi phạm căn cứ theo giá trị mức gây thiệt hại về tài sản để phù hợp với khoản 1 Điều 241 BLHS về tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật  Bổ sung các hành vi vi phạm căn cứ theo giá trị mức gây thiệt hại về tài sản để phù hợp với khoản 1 Điều 241 BLHS về tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật  Bổ sung các hành vi vi phạm căn cứ theo giá trị mức gây thiệt hại về tài sản để phù hợp với khoản 1 Điều 241 BLHS về tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật |
| **Điều 15. Vi phạm quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu**  1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật không đúng số lượng, khối lượng ghi trong Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật của nước xuất khẩu;  b) Nhập khẩu sản phẩm động vật trên cạn mang theo người ở dạng tươi sống, sơ chế; sản phẩm động vật thủy sản ở dạng tươi sống.  2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi đưa hàng nhập khẩu là động vật, sản phẩm động vật để gia công, chế biến hàng xuất khẩu tại các cơ sở sản xuất không đúng nơi đăng ký.  3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật không đúng cửa khẩu;  b) Nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật không đúng nguồn gốc xuất xứ theo đăng ký, khai báo kiểm dịch;  c) Đưa động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu về nơi cách ly kiểm dịch không đúng địa điểm hoặc không đúng số lượng đã được chấp thuận theo hồ sơ kiểm dịch;  d) Không chấp hành thời hạn theo dõi cách ly kiểm dịch đối với động vật nhập khẩu.  7. Phạt tiền từ 10% đến 15% trị giá lô hàng nhưng không vượt quá 50 triệu đồng đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Nhập khẩu sản phẩm động vật tồn dư các chất độc hại, nhiễm vi sinh vật vượt quá mức giới hạn cho phép;  b) Nhập khẩu sản phẩm động vật chưa làm sạch lông, da, móng và các tạp chất khác không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y về cảm quan.  10. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đưa vào lãnh thổ Việt Nam bệnh phẩm và các tác nhân gây bệnh cho động vật mà không được phép của cơ quan thú y có thẩm quyền.  11. Biện pháp khắc phục hậu quả:  b) Buộc tiêu hủy sản phẩm động vật, mẫu bệnh phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm d khoản 4 Điều này;  c) Buộc tái xuất động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;  e) Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật, bệnh phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này. | - Bổ sung khoản 1a Điều 15 như sau:  *“1a. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi mang theo người nhập cảnh hoặc quá cảnh lãnh thổ Việt Nam sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế hoặc chế biến từ quốc gia, vùng lãnh thổ đang có dịch bệnh động vật nguy hiểm trên loài động vật mẫn cảm với bệnh dịch đó.”*  - Khoản 2 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng với một trong các hành vi sau đây:  a) Đưa động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu để gia công chế biến hàng xuất khẩu tại cơ sở gia công, chế biến không đúng nơi đăng ký;  *b) Nhập khẩu sản phẩm động vật theo quy định mà trên nhãn bao bì không có hoặc có ghi tên cơ sở sản xuất và mã số cơ sở sản xuất nhưng không đúng với tên cơ sở sản xuất và mã số cơ sở sản xuất theo danh sách doanh nghiệp của nước đủ điều kiện xuất khẩu sản phẩm động vật vào Việt Nam.”*  - Bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 15 như sau:  *đ) Nhập khẩu sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm theo quy định mà trên nhãn hàng hoá không có hoặc có tên tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm, tên cơ sở sản xuất, mã số cơ sở sản xuất không đúng với thông tin ghi trên Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu”.*  - Bổ sung điểm c khoản 7 Điều 15 như sau:  *“c) Nhập khẩu sản phẩm động vật bị biến đổi về màu sắc, mùi vị, tạp nhiễm côn trùng, chảy nước không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y về cảm quan”.*  - Khoản 10 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “10. Phạt tiền đối với hành vi đưa vào lãnh thổ Việt Nam bệnh phẩm và các tác nhân gây bệnh cho động vật mà không được phép của cơ quan thú y có thẩm quyền như sau:  a*) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà chưa gây thiệt hại về tài sản;*  *b) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị dưới 100.000.000 đồng;*  *c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án”.*  - Điểm b, điểm c, điểm e khoản 11 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:  b) Buộc tiêu huỷ sản phẩm động vật, mẫu bệnh phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, *khoản 1a* và điểm d khoản 4 Điều này;  c) Buộc tái xuất động vật, sản phẩm động vật đối với hành vi vi phạm quy định tại *điểm b khoản 2* và điểm b, *điểm đ* khoản 3 Điều này;  e) Buộc tái xuất hoặc tiêu huỷ động vật, sản phẩm động vật, bệnh phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại *khoản 6*, *điểm c khoản 7,* khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều này”. | - Bổ sung hành vi vi phạm để phù hợp với thực tiễn    - Bổ sung hành vi vi phạm để phù hợp với thực tiễn  - Bổ sung hành vi vi phạm để phù hợp với thực tiễn  - Bổ sung hành vi vi phạm để phù hợp với thực tiễn  - Chia nhỏ mức phạt  theo giá trị mức gây thiệt hại về tài sản để phù hợp với khoản 1 Điều 241 BLHS về tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật  - Sửa đổi biện pháp khắc phục hậu quả theo các hành vi mới được bổ sung |
| **Điều 20. Vi phạm về vận chuyển, kinh doanh, thu gom, lưu giữ, kiểm soát giết mổ động vật trên cạn; sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật để kinh doanh**  8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi ngâm, tẩm hóa chất vào sản phẩm động vật.  10. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển, lưu giữ, giết mổ động vật để làm thực phẩm mà động vật đó bị sử dụng thuốc an thần không theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền.  12. Hình thức xử phạt bổ sung:  a) Tịch thu tang vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 9 và khoản 11 Điều này;  b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều này;  c) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 10 và khoản 11 Điều này  13. Biện pháp khắc phục hậu quả:  d) Buộc tạm dừng giết mổ động vật bị sử dụng thuốc an thần trước khi giết mổ cho đến khi có kết quả kiểm tra an toàn thực phẩm; buộc tiêu hủy sản phẩm động vật có dư lượng thuốc an thần vượt quá giới hạn do Bộ Y tế quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 10 Điều này. | - Khoản 10 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “10. Phạt tiền *từ 40.000. 000 đồng đến 50.000.000* đồng đối với hành vi vận chuyển, kinh doanh, lưu giữ, giết mổ động vật để làm thực phẩm mà động vật đó bị sử dụng thuốc an thần không theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y có thẩm quyền”.  - Điểm b khoản 12 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:  b) Đình chỉ hoạt động của cơ sở từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 7, *khoản 8* và khoản 9 Điều này”.  - Điểm d khoản 13 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “13. Biện pháp khắc phục hậu quả:  d) *Buộc tiêu huỷ động vật, sản phẩm động vật* đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 10 Điều này”. | - Tăng mức phạt để phù hợp với thực tiễn và đảm bảo tính răn đe đối với hành vi này  - Bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả này đối với hành vi ngâm, tẩm hóa chất vào sản phẩm động vật để phù hợp với thực tiễn và đảm bảo tính răn đe  - Sửa đổi theo hướng tăng biện pháp khắc phục hậu quả để phù hợp với thực tiễn và đảm bảo tính răn đe đối với hành vi này |
| **Điều 33. Vi phạm về chất lượng trong sản xuất thuốc thú y**  7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y không có tên trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị dưới 200.000.000 đồng.  8. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam có giá trị dưới 100.000.000 đồng. | - Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 33 như sau:  “7. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm sản xuất mỗi loại thuốc thú y không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép như sau:  a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị dưới 200.000.000 đồng *hoặc thu lợi bất chính dưới 100.000.000 đồng;*  *b) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án”.*  - Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 33 như sau:  “8. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm sản xuất mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam như sau:  a) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam có giá trị dưới 100.000.000 đồng *hoặc thu lợi bất chính có giá trị dưới 50.000.000 đồng;*  b*) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án”.* | Bổ sung căn cứ xác định hành vi theo thu lợi bất chính để phù hợp với điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 190 BLHS về tội sản xuất, buôn bán hàng cấm |
| **Điều 36. Vi phạm về chất lượng trong buôn bán thuốc thú y**  3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị dưới 200.000.000 đồng.  5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam có giá trị dưới 100.000.000 đồng. | - Khoản 3 Điều 36 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị dưới 200.000.000 đồng *hoặc thu lợi bất chính dưới 100.000.000 đồng.*  *b) Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y không có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép có giá trị từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án”.*  - Khoản 5 Điều 36 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “5. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm buôn bán mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam như sau:  a) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam có giá trị dưới 100.000.000 đồng *hoặc thu lợi bất chính có giá trị dưới 50.000.000 đồng;*  *b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán mỗi loại thuốc thú y có trong Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án.”.* | Bổ sung căn cứ xác định hành vi theo thu lợi bất chính để phù hợp với điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 190 BLHS về tội sản xuất, buôn bán hàng cấm |
| **Điều 49. Thẩm quyền của Quản lý thị trường**  3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng chống buôn lậu, Trưởng phòng chống hàng giả, Trưởng phòng kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường có quyền:  4. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có quyền: | - Tiêu đề khoản 3 Điều 49 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “3. *Cục trưởng Cục Quản lý thị trường, Cục trưởng Cục nghiệp vụ quản lý thị trường trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường* có quyền:  - Tiêu đề khoản 4 Điều 49 được sửa đổi, bổ sung như sau:  “4. *Tổng Cục trưởng Tổng Cục Quản lý thị trường* có quyền:” | Sửa đổi, bổ sung các chức danh thuộc lực lượng quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để phù hợp với các văn bản mới ban hành trong lĩnh vực quản lý thị trường |
| **Điều 50. Phân định thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan và Quản lý thị trường**  1. Những người có thẩm quyền của Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 5; khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 6; điểm b khoản 2, điểm a khoản 7 Điều 7; khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 8; điểm b khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 11; khoản 2 Điều 12; Điều 17; khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 và khoản 11 Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 27; khoản 7 và khoản 8 Điều 33; khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 36 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.  2. Những người có thẩm quyền của Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại khoản 6 Điều 5; khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 6; điểm b khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 8; Điều 14; khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 15; Điều 16, Điều 18 và Điều 19; khoản 2 Điều 37; khoản 3 Điều 38 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.  3. Những người có thẩm quyền của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y xảy ra trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộnghòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại khoản 6 Điều 5; khoản 3, khoản 5 Điều 6; khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 8; khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 11; Điều 14; điểm a khoản 1, điểm a và điểm b khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 15; Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19; khoản 2 Điều 37; khoản 3 Điều 38 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.  5. Những người có thẩm quyền của Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 5; khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 6; khoản 5 và khoản 7 Điều 7; Điều 8, Điều 11, Điều 12 và Điều 17; khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 và khoản 11 Điều 20; Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 34, Điều 35, Điều 36 và Điều 40; khoản 2 và khoản 3 Điều 42 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. | **Điều 50. Phân định thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan và Quản lý thị trường**  **“Điều 50. Phân định thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan và Quản lý thị trường**  1. Những người có thẩm quyền của Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 5; khoản 3, khoản 4 và khoản 5, khoản 5a Điều 6; điểm b khoản 2, điểm a khoản 7 Điều 7; khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 5a, khoản 6, khoản 6a, khoản 7 và khoản 7a Điều 8; điểm b khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 11; khoản 2 Điều 12; Điều 17; khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 và khoản 11 Điều 20; Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 27; khoản 7 và khoản 8 Điều 33; khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 36 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.  2. Những người có thẩm quyền của Bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại khoản 6 Điều 5; khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 5a Điều 6; điểm b khoản 4, khoản 5, khoản 5a, khoản 6, khoản 6a, khoản 7 và khoản 7a Điều 8; Điều 14; khoản 1, khoản 1a, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 15; Điều 16; Điều 18; Điều 19; khoản 2 Điều 37; khoản 3 Điều 38 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.  3. Những người có thẩm quyền của Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y xảy ra trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộnghòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được quy định tại khoản 6 Điều 5; khoản 3, khoản 5 và khoản 5a Điều 6; khoản 5, khoản 5a, khoản 6, khoản 6a, khoản 7 và khoản 7a Điều 8; khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 11; Điều 12; Điều 13*;* Điều 14; điểm a khoản 1, khoản 1a, điểm a và điểm b khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; khoản 2 Điều 37; khoản 3 Điều 38 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.  4. Những người có thẩm quyền của Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Điều 19; khoản 2 Điều 37; khoản 3 Điều 38; khoản 1 Điều 39 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.  5. Những người có thẩm quyền của Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y quy định tại khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 5; khoản 3, khoản 4 và khoản 5 và khoản 5a Điều 6; khoản 5 và khoản 7 Điều 7; Điều 8, Điều 11, Điều 12 và Điều 17; khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 và khoản 11 Điều 20; Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 34, Điều 35, Điều 36 và Điều 40; khoản 2 và khoản 3 Điều 42 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.” | Sửa đổi về dẫn chiếu thẩm quyền xử phạt VPHC đối với các hành vi tại các điều, khoản, điểm đã được sửa đổi, bổ sung |